



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

----- 000 -----



LILAMA 3

kết liên sức mạnh ®

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Lô 24, 25 KCN Quang Minh – Mê Linh – Hà Nội

Năm báo cáo: 2016

Mê Linh, tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3**
Địa chỉ : **Lô 24+25 KCN Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội**
Năm báo cáo: **2016**

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

Tên công ty:

Tên tiếng Anh:

Tên viết tắt:

Biểu tượng:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Vốn điều lệ:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Địa chỉ:

Điện thoại

Fax

Website

Mã cổ phiếu

Công ty Cổ phần LILAMA 3
LILAMA 3 Joint Stock Company
LILAMA 3.,JSC



2600104526 (Đăng ký lần đầu ngày
22/06/2006 Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày
17/11/2014)

51.500.000.000 đồng

L ô 24+25 KCN Quang Minh - Mê Linh - Hà
Nội

04. 3 8182554

04. 3 8182550

www.lilama3.vn

LM3

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Lilama 3 là thành viên của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam tiền thân là Công trường lắp máy C1 Việt Trì được thành lập vào ngày 01/12/1960. Trải qua quá trình xây dựng và phát triển đến nay. Với gần 1000 cán bộ nhân viên, công nhân kỹ thuật lành nghề cùng hệ thống thiết bị thi công tương đối hiện đại, Công ty đã khẳng định được vị thế và thương hiệu của mình trên thị trường từng bước hội nhập với sự phát triển của khu vực và thế giới. Với bề dày lịch sử phát triển hơn nửa thế kỷ, các dự án, công trình do Công ty đảm nhiệm thi công đã và đang hoạt động tốt mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho đất nước như: Nhà máy nhiệt điện : Phả Lại, Uông Bí, Phú Mỹ, Nhiệt điện BARH - Ấn Độ, Nhiệt điện An Khánh, Nhiệt điện Vũng Áng, Nhiệt Điện Mông Dương; Nhiệt Điện Duyên Hải 3; Nhiệt Điện Vĩnh Tân 4, Nhiệt điện Thái Bình 2 ...; Thủy điện: Hoà Bình, Trị An, YALY, thủy điện Ngòi Phát; thủy điện Nậm Mả; Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng : Xi măng Chinfon Hải Phòng, Bim Sơn, Nghi sơn, Bút sơn Cẩm Phả, Yên Bình, Yên Bái, Xi măng Sông Thao, Hồng Phong – Lạng Sơn; Nhà máy giấy Bãi Bằng, Việt Trì, Tissue Cầu Đuông, Nhà máy sản xuất hoá chất: Supe phốt phát lâm thao, Tuyển quặng Apatit Lao cai, Giấy Phương Nam, Nhà máy chế biến bột CACOO3 Bắc Kạn, các nhà máy công nghiệp thực phẩm : Rượu Bia Hà Nội, Rượu Bia Viger, Đường Quý Hợp, Bia Tiger, Dự án Đóng sông vận chuyển vật liệu cho Nhà máy Xi măng Yên Bình, Dự án Trung Tâm Hội nghị Quốc Gia, Trung tâm thể thao Quốc gia, Công trình Hòn Đa Việt Nam, Nhà máy YAMAHA Việt Nam, nhà máy điện tử SANKOH Hoà Bình, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Chế tạo kết cấu thép SHIP RAIL cho Nhật, Chế tạo Sàn nâng tàu Nosco Vinaline, Chế dầm thép cho công trình Cầu Nhật Tân, Nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng, Nhà máy Gang thép Thái Nguyên Mở rộng....

Tháng 6/2006, Công ty đã thực hiện quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc chuyển Công ty Lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty cổ phần LILAMA 3 với vốn điều lệ là 11,5 tỷ đồng, đến tháng 6/2007 công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ lên 51,5 tỷ đồng. Theo định hướng chiến lược phát triển đến năm 2010 và các năm tiếp theo Công ty chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao tay nghề của cán bộ, công nhân. Cùng với sự đầu tư đúng hướng về con người Công ty còn quan tâm xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 nhằm đảm bảo chất lượng của các công trình đáp ứng những đòi hỏi khắt khe nhất của khách hàng. Với năng lực hiện có và kinh nghiệm thu được khi hợp tác với các tập đoàn lớn trên thế giới như ABB, Hyundai, Jacobsen.MaRuMeNi... để phát triển công ty trong những năm tới công ty luôn tìm và mở rộng các đối tượng khách hàng mở rộng thị trường kinh doanh mới. Đồng thời nâng cao năng lực sản xuất sản phẩm trên cơ sở được công ty đầu tư tại Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc phục vụ cho thị trường sản xuất các sản phẩm cơ khí và các cấu kiện phục vụ cho các dự án xây dựng công trình lọc dầu, NM nhiệt điện, thủy điện, NM sản xuất giấy, xi măng, bên cạnh đó công ty cũng đang quan tâm tới công nghệ mới trong xây dựng nhà cao tầng với kết cấu dầm thép để tham gia sâu vào lĩnh vực xây dựng

nhà cao tầng hiện đại, ngoài ra công ty cũng tìm kiếm và phát triển lĩnh vực kinh doanh sang các đối tác nước ngoài như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức

Tháng 12 năm 2009 cổ phiếu của công ty đã chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với:

Tên chứng khoán : **Cổ phiếu Công ty Cổ phần LILAMA 3**

Mã chứng khoán : **LM3**

Số lượng cổ phiếu niêm yết: **5.150.000 cổ phiếu**

Ngày 15/5/2015, Cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết trên HNX.

Ngày 01/6/2015, Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết trên sàn Upcom của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 02/06/2016, Tổng công ty lắp máy Việt Nam - Lilama đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty cổ phần Lilama 3 sang Công ty TNHH mua bán nơ Việt Nam – DATC.

Việc thành lập các công ty con:

- Công ty Cổ phần LILAMA 3.4: Được thành lập theo quyết định số 39/QĐ - HĐQT, ngày 31/12/2009 của Hội đồng quản trị Công ty CP LILAMA 3

- Công ty Cổ phần LILAMA 3.3: Được thành lập ngày 02 tháng 02 năm 2010 của HĐQT Công ty CP LILAMA 3

- Công ty TNHH LILAMA 3 – DAI NIPPON TORYO được thành lập và được Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp giấy chứng nhận số: 012022000320 ngày 14/07/2010.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- ✚ Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng (gạch, gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ôxy, que hàn, đá...);
- ✚ Khảo sát, thiết kế, tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc
- ✚ Tư vấn thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất: Vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực thực phẩm;
- ✚ Thi công xây dựng: San ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ....
- ✚ Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp; công trình dân dụng (nhà ở) giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng; đường dây tải điện và trạm biến thế;
- ✚ Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy; trang trí nội thất công trình;
- ✚ Chế tạo và lắp đặt: Thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- ✚ Thiết kế, đóng mới tàu, thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn; sửa chữa các loại tàu, thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy;
- ✚ Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;

- ✚ Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, xăng dầu, khí hóa lỏng và chất đốt các loại;
- ✚ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây truyền công nghệ;
- ✚ Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ và đường thủy; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa đường thủy, đường bộ

2.2. Địa bàn hoạt động:

Do tính chất đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất sản phẩm xây dựng cơ bản các công trình, Dự án xây lắp ở địa bàn xa trụ sở, Công ty đang thực hiện thi công rất nhiều các hạng mục công trình trọng điểm như:

- Tỉnh Hà Tĩnh: Dự án NM Nhiệt điện Vũng Áng 1 do Tập đoàn dầu khí Quốc gia làm chủ đầu tư, Dự án NM thép Formosa Hà Tĩnh...

- Tỉnh Lào Cai: Dự án lắp dựng nhà máy tuyển quặng Apatit do Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam làm chủ đầu tư; Dự án Thủy điện Ngòi Phát do Công ty CP Phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) làm chủ đầu tư, DAP2 do Tập đoàn hóa chất làm chủ đầu tư ...

- Tỉnh Thái Nguyên: Xây dựng và lắp đặt Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Tisco do Công ty CP Gang thép Thái nguyên làm chủ đầu tư; ...

- Tỉnh Thái Bình: Công trình Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2

- Tỉnh Thanh Hóa: Công trình nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn

Và một số địa bàn khác như Duyên Hải – Trà Vinh, Nhơn Trạch – Đồng Nai, Vĩnh Tân 4- Bình Thuận, TBA Phú Mỹ 2 – Bà Rịa Vũng Tàu....

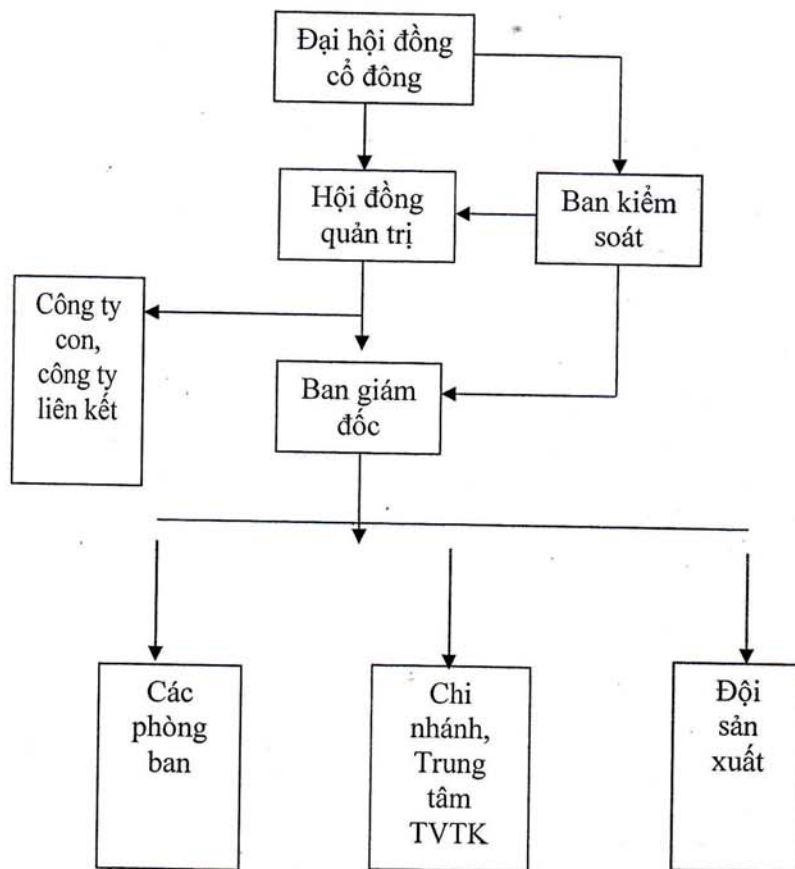
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát, Ban giám đốc đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó tổng giám đốc. Cơ cấu tổ chức của Công ty Mẹ được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua các Phó tổng giám đốc phụ trách khối.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty thể hiện qua sơ đồ sau:



Đại hội đồng Cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu và người được cổ đông ủy quyền đều được tham dự ĐHCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

3.3. Các công ty con và công ty liên kết:

- **Công ty Cổ phần LILAMA 3.4:** Được thành lập theo quyết định số 39/QĐ - HĐQT, ngày 31/12/2009 của Hội đồng quản trị Công ty CP LILAMA 3 và được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2600658877.

+ Trụ sở chính: tại 931, Đại lộ Hùng Vương, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

+ Đăng ký lần đầu, ngày 06/01/2010, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 17/06/2010 và thay đổi lần 4 ngày 10/02/2012 với Vốn điều lệ: 5.036.800.000 đồng Công ty CP LILAMA 3 góp 2.990.000.000 đồng tương ứng với: 59,36% vốn điều lệ, các thể nhân khác góp 2.046.800.000, đồng tương ứng với: 40,64% vốn điều lệ.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất các cấu kiện kim loại, gia công kim loại; lắp đặt hệ thống điện nước; gia công cơ khí, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; xây dựng nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng, đường sắt, đường bộ; Kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị phụ tùng, xăng dầu và vật liệu xây dựng ...

- **Công ty Cổ phần LILAMA 3.3:** Được thành lập ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Chủ tịch HĐQT Công ty CP LILAMA 3 và Giấy chứng nhận Kinh doanh được Sở kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp.

+ Trụ sở chính: Lô 24 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

+ Đăng ký lần đầu: Giấy chứng nhận số 0104489681 ngày 12/02/2010, thay đổi lần 1 ngày 24/03/2010 với số vốn điều lệ là: 6.096.000.000, đồng trong đó vốn do Công ty Cổ

phần LILAMA 3 góp 4.845.000.000 đồng tương đương 79,48% số cổ phần chi phối, các cổ đông khác góp 1.251.000.000 đồng chiếm 20,52% số cổ phần chi phối.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất các cấu kiện kim loại, các sản phẩm thiết bị gia dụng, các sản phẩm máy móc thiết bị; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị, kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng...

- Công ty TNHH LILAMA 3 – DAI NIPPON TORYO (Công ty liên doanh)

+ Địa chỉ: Lô 24, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

+ Giấy phép kinh doanh số 012022000320-KD cấp lần đầu ngày 30/09/2012 với số vốn điều lệ là 11.400.000.000 đồng Công ty Cổ phần LILAMA 3 góp 5.814.000.000.000đ tương đương 51% VDL Công ty DAI NIPPON TORYO Nhật Bản góp: 5.586.000.000.000đ tương đương 49% VDL

+ Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Thực hiện quyền nhập khẩu; quyền xuất khẩu; quyền phân phối bán buôn, bán lẻ các hàng hóa: Sơn, vecni làm từ các loại Polyme tổng hợp hoặc polymer tự nhiên; matit để gắn kính, ghép nối các vật liệu; thiết bị cơ khí để phun bắn, phun rải hoặc phun áp lực; các loại máy trộn, máy nhào, máy xay...

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu phát triển chủ yếu của Công ty:

- Tiếp tục duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp trên thị trường nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, tạo dựng vị trí vững chắc trên thị trường chiến lược dọc theo hành lang Sông thao, khu vực lân cận và thị trường miền trung.

- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mang đặc thù riêng của LILAMA3 và các sản phẩm cơ khí có công nghệ và giá trị gia tăng cao.

- Chú trọng khai thác tiềm năng chế tạo thiết bị cơ khí xuất khẩu ra nước ngoài. Tiếp tục dịch chuyển cơ cấu sản xuất, nâng cao tỷ trọng chế tạo thiết bị trong tổng doanh thu để giảm bớt các yếu tố rủi ro trong ngành xây lắp.

- Đẩy mạnh phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu đối với một số lĩnh vực kinh doanh do các Công ty con đảm nhận: sản xuất kinh doanh sơn công nghiệp, kinh doanh vật tư và thương mại, dịch vụ bảo dưỡng và bảo trì các công trình công nghiệp....

4.2. Chiến lược phát triển dài hạn:

Năm 2016 mặc dù có một số tín hiệu tích cực của môi trường kinh doanh như: Lạm phát giảm, lãi suất cho vay của ngân hàng giảm. Tuy nhiên, nền kinh tế của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn do chưa thoát khỏi khủng hoảng kinh tế. Trong năm 2016, Lilama 3 tiếp tục duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp trong nội địa, đặc biệt chú trọng công tác xây dựng uy tín, thương hiệu, khai thác tiềm năng chế tạo sản phẩm cơ khí xuất khẩu ra nước ngoài, hợp tác liên doanh với các đối tác nước ngoài hoặc có vốn nước ngoài để thực hiện một số dự án thi công công trình xây dựng cơ bản trọng điểm của quốc gia.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

Là một đơn vị sản xuất sản phẩm xây lắp có chu kỳ sản xuất dài, sản xuất thi công tại các địa bàn khác nhau ở trong nước song LILAMA3 luôn luôn xác định mục tiêu: Đảm bảo về môi trường, xã hội và cộng đồng. Trong quá trình sản xuất kinh doanh phát triển mô hình cũng như tìm kiếm các nguồn lực sản xuất, Công ty luôn chú trọng tới việc vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên với những việc cụ thể như cung cấp nước sạch hợp vệ sinh và điều kiện môi trường nơi sinh sống, cải thiện điều kiện ở của công nhân tại các công trường; hạn chế sự gia tăng ô nhiễm, đồng thời tích cực phòng ngừa và xử lý ô nhiễm công nghiệp. Với xã hội và cộng đồng, LILAMA3 luôn cam kết trở thành đối tác đáng tin cậy với tất cả các bên hữu quan, xây dựng và duy trì mối quan hệ tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau.

5. Các rủi ro (Các rủi ro được trình bày cụ thể trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016 – Mục VII: Phần thuyết minh Báo cáo tài chính)

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

✦ Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2016, do không thể tham gia đấu thầu các dự án, vì vậy Công ty chủ yếu tập trung vào khai thác các thị trường sẵn có và làm thầu phụ. Tuy nhiên do các dự án Nhiệt điện (phần ống khói) chậm tiến độ do vậy trong năm 2016, Công ty chỉ ký được 03 hợp đồng mới (công trình Vinata, Hóa chất Đông Á và thủy điện Nậm Mạ 1) với tổng giá trị của 03 hợp đồng là 14,8 tỷ đồng.

Đối với các khách hàng cũ: Năm 2016, Công ty tiếp tục thực hiện công tác sửa chữa, bảo dưỡng đối với các khách hàng truyền thống (Nhà máy giấy Bãi Bằng, An Hòa).

Kết thúc năm tài chính 2016, theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) doanh thu đơn vị đạt được là: 95.356.222.300, đồng, lợi nhuận sau thuế lỗ là: 222.977.245.360, đồng.

Trong năm 2016, một số các công trình tiếp tục dừng thi công, không quyết toán được như: Gang thép Thái Nguyên mở rộng, Giấy Phương Nam -Long An; một số công trình đã thi công hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, quyết toán thanh lý hợp đồng nhưng không được Chủ đầu tư thanh toán, công ty đã kiện và thắng kiện xong vẫn không được thanh toán như: Công ty cổ phần Giấy Bãi Bằng, Công ty TNHH MTV Phiabjooc. Lợi nhuận sau thuế năm 2016 của đơn vị là số âm nguyên nhân do một số công trình Chủ đầu tư không bố trí được nguồn vốn hoặc thiếu vốn dẫn tới các công trình xây lắp mà đơn vị là một trong những nhà thầu đã và đang thi công bị ảnh hưởng trực tiếp như Dự án NM Gang thép Thái Nguyên; kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị liên tục giảm, thu hồi vốn gặp rất nhiều khó khăn. Việc đầu tư vào các Công ty con không đạt hiệu quả, một số Công ty con mất cân đối tài chính và lỗ đã ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh chung. Mặt khác, do dự báo thị trường không chính xác và suy thoái kinh tế thế giới nên Dự án đầu tư Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu tại Bạch Hạc - Phú Thọ với tổng chi phí đầu tư hơn 260 tỷ của đơn vị không hiệu quả, dự án đang trong giai đoạn quyết toán trong khi nhà máy đã xuống cấp, phát sinh thêm nhiều chi phí sửa chữa, sản

phẩm chế tạo nắp hầm hàng tàu biển của nhà máy đã bị thay đổi so với mục tiêu đầu tư ban đầu của dự án, đơn vị buộc phải lựa chọn thay thế sản phẩm như chế tạo phi tiêu chuẩn cho Nhà máy nhiệt điện, nhà máy xi măng, chế tạo kết cấu thép khác...nhưng vẫn không đem lại hiệu quả, không thể bù đắp được chi phí lãi vay và chi phí khấu hao của nhà máy. Điều này đã ảnh hưởng đến toàn bộ kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị trong những năm qua. Do đó với nguyên nhân cơ bản trên, tổng số lỗ lũy kế của Công ty từ năm 2012 đến ngày 31/12/2016 là: 337,70 tỷ đồng.

✦ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016 là năm tài chính thứ mười của Công ty cổ phần LILAMA 3 hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

Kết quả SXKD Công ty mẹ:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	TH2016/KH 2016
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Tr. VNĐ	106.510	113.013	106,11%
2	Doanh thu chưa thuế	Tr. VNĐ	89.576	95.356	106,45%
3	Nộp ngân sách	Tr. VNĐ	3.135	4.145	132%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr. VNĐ	-52.850	-222.977	(422%)
5	Thu nhập bình quân	Tr.VNĐ	6,30	6,97	110,63%
6	LĐ SD bình quân	Người	450	416	92,44%
7	Dự kiến chia cổ tức	%	0	0	
8	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr. VNĐ	0	0	

Kết quả SXKD Hợp nhất

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	TH2016/KH 2016
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Tr. VNĐ	150.733	156.814	104,03%
2	Doanh thu chưa thuế	Tr. VNĐ	141.645	123.540	87,22%
3	Nộp ngân sách	Tr. VNĐ	9.296	11.601	124,70%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr. VNĐ	-55.375	-233.774	
5	Thu nhập bình quân	Tr.VNĐ	6,20	6,92	111,63%
6	LĐ SD bình quân	Người	550	535	97,27%

7	Dự kiến chia cổ tức	%	0	0	
8	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr. VNĐ	0	0	

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành:

Ban điều hành Công ty hiện nay gồm: 01 Tổng Giám đốc, 03 Phó tổng giám đốc điều hành, 01 Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm theo nghị quyết được thông qua hợp thức.

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Nguyễn Tiến Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Xuân Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tăng Phụng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Quốc Đoàn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Công Hoan	Kế toán trưởng	

Lý lịch tóm tắt của Ban điều hành công ty:

1. Ông Nguyễn Tiến Thành – Tổng giám đốc công ty.

Giới tính	Nam
Ngày sinh	22/10/1974
Số CMTND	012546316
Nơi sinh	Yên Bái
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xuân Lũng - Lâm Thao - Phú Thọ
Địa chỉ thường trú	Tổ 70B-Láng Hạ-Đống Đa-Hà Nội
Số ĐT cơ quan	04 38182554
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện
Quá trình công tác	- Từ 09/1997 đến 10/2001: Kỹ sư Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội. - Từ 11/2001 đến 9/2003: Đội trưởng Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội. - Từ 10/2003 đến 3/2006: Phó Giám đốc Công ty lắp máy và xây dựng số 3. - Từ 04/2006 đến Tháng 7/2011: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3.

- Từ Tháng 9/2011 đến nay: Tổng giám Đốc Công ty
CP LILAMA3

Chức vụ công tác hiện nay Tổng Giám Đốc Công ty CP LILAMA3

2. Ông: Nguyễn Tăng Phụng – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	27/12/1965
Số CMTND	011304477
Nơi sinh	Quảng Ninh
Quốc Tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú	Số 3-548/15 Nguyễn Văn Cừ-Long Biên-Hà Nội
Số ĐT cơ quan	0210.3910.510
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Từ 08/1989 đến 05/1996: Kỹ sư Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội.- Từ 06/1996 đến 08/1998: Đội trưởng Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội.- Từ 09/1998 đến 07/2000: Phó trưởng đại diện LILAMA tại dự án Nhiệt điện Phả Lại.- Từ 08/2000 đến 04/2001: Học viên Trường đào tạo cán bộ ngành xây dựng.- Từ 05/2001 đến 09/2001: Trưởng đại diện LILAMA Granit Tiên Sơn.- Từ 10/2001 đến 09/2006: Phó Giám đốc Công ty chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng.- Từ 10/2006 đến 09/2007: Phó giám đốc Ban quản lý dự án huyện Gia Lâm.- Từ 10/2007 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3.

Chức vụ công tác hiện nay Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3.

3. Ông: Trịnh Xuân Thành – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	05/07/1974

Số CMTND	132031997
Nơi sinh	Thái Nguyên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Bắc – Hà Trung – Thanh Hoá
Địa chỉ thường trú	TT Quỳnh Hợp - Quỳnh Hợp - Nghệ An
Số ĐT cơ quan	04 38182554
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện
Quá trình công tác	- Từ tháng 12/1996 Công tác tại Xí nghiệp cơ khí & Lắp máy – Công ty Lắp máy và XD số 3 (nay là Công ty CP LILAMA 3) - Từ tháng 3.2009 Trưởng phòng Kinh tế kỹ thuật – Cty CP LILAMA 3 - Từ tháng 7/2010 Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty

4. Ông Đỗ Quốc Đoàn – Phó tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	01/08/1979
Số CMTND	145036125
Nơi sinh	Mẽ Sở - Văn Giang – Hưng Yên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Văn Giang – Hưng Yên
Địa chỉ thường trú	Mẽ Sở - Văn Giang – Hưng Yên
Số ĐT cơ quan	04 38182554
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	- Từ tháng 1/2003 đến tháng 8/ 2003: Kỹ sư nhà máy Vinacafe - Từ tháng 8/2003 đến tháng 11/2003: Kỹ sư cơ khí

Công ty V.A.P

- Từ tháng 11/2003 đến tháng 3/2007: Kỹ thuật thi công Xí nghiệp LILAMA3.2 – Công ty CP LILAMA3

- Từ tháng 3/2007 đến tháng 1/2010: Phó giám đốc Xí nghiệp LILAMA3.2

- Từ tháng 01/2010 đến tháng 11/2013: Giám đốc xí nghiệp LILAMA3.2

- Từ tháng 12/2013 đến 12/2016: Phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA3

- Từ tháng 01/2017 đến nay: Phụ trách Xí nghiệp xây lắp số 2

Chức vụ công tác hiện nay Phụ trách Xí nghiệp xây lắp số 2

5. Ông Phạm Công Hoan - Kế toán trưởng:

Giới tính	Nam
Ngày sinh	20/08/1959
Số CMTND	164135741
Nơi sinh	Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thái Bình
Địa chỉ thường trú	Nhân Chính – Thanh Xuân – Hà Nội
Số ĐT cơ quan	043.8182554
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Từ 06/1977 đến 10/1982: Bộ đội C14D6E856- Quân khu 3.- Từ 11/1982 đến 10/1984: Công nhân xí nghiệp lắp máy 69.- Từ 11/1984 đến 07/1987: Học sinh trường trung học Xây dựng số I.- Từ tháng 08/1987 đến 05/1994: Kế toán xí nghiệp lắp máy 69-1.- Từ 06/1994 đến 11/1995: Phó phòng kế toán xí nghiệp 69-2.- Từ 12/1995 đến 05/2002: Trưởng phòng Tài vụ công ty cơ khí lắp máy.

- Từ 06/2002 đến 12/2003: Trưởng phòng Tài vụ Công ty lắp máy và xây dựng số 3.
- Từ 01/2004 đến 03/2006: Kế toán trưởng Công ty lắp máy và xây dựng số 3.
- Từ 04/2006 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần LILAMA 3.

Chức vụ công tác hiện nay

Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong Danh sách Ban điều hành Công ty:

T T	Tên cổ đông	Chức vụ	Đại diện vốn Nhà nước		Sở hữu cá nhân		Biến động
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	
1	Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên HĐQT – Tổng Giám Đốc			77.301	1,50%	
2	Ông Nguyễn Tăng Phụng	Phó tổng giám đốc			9.500	0,184%	
3	Ông Trịnh Xuân Thành	Phó tổng giám đốc			8.392	0,163%	
4	Ông Đỗ Quốc Đoàn	Phó tổng giám đốc			5.000	0,097%	
5	Ông Phạm Công Hoan	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng			77.648	1,51%	

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên trong năm:

+ Số lượng cán bộ công nhân viên bình quân năm 2016: 416 lao động

+ Chính sách đối với người lao động: Trong năm 2016 mặc dù kinh tế gặp nhiều khó khăn nhưng công ty đã cố gắng đảm bảo đủ công ăn việc làm cho người lao động, nhưng do thu hồi vốn chậm dẫn đến thanh toán lương hàng tháng và giải quyết chưa kịp thời các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động, chú trọng và nâng cao đời sống cả về tinh thần và vật chất của cán bộ công nhân viên tại các công trường, 100% Công nhân vào làm việc tại công ty đều được ký hợp đồng lao động. Hàng năm, Công ty có tổ chức Hội nghị người lao động nhằm mục đích lắng nghe những tâm tư nguyện vọng của người lao động về các chính sách lao động, thỏa ước tập thể từ đó Công ty đưa ra những chính sách phù hợp và có lợi ích nhất cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án; tình hình hoạt động và tài chính các công ty con, công ty liên kết:

3.1. Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2016 Công ty cổ phần LILAMA3 tạm dừng thực hiện toàn bộ các dự án đầu tư, tập trung hoàn thiện hồ sơ quyết toán các dự án, trong đó trọng điểm là quyết toán vốn đầu tư và tính toán hiệu quả của dự án Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc.

3.2. Tình hình hoạt động SXKD của các công ty con, công ty liên kết:

3.2.1. Công ty cổ phần LILAMA3.4.

- Trong năm 2016 kết quả hoạt động SXKD và các chỉ tiêu kinh tế tài chính của công ty không đạt được như đã đề ra nguyên nhân do những khó khăn chung của nền kinh tế,

lãnh đạo công ty có năng lực yếu kém không phát huy được vai trò chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Mô hình quản lý yếu kém còn tồn tại nhiều khuyết điểm chưa thể khắc phục. Đến thời điểm 31/12/2016, hoạt động của Công ty phụ thuộc vào nguồn vốn vay và các khoản vay này đều đã quá hạn thanh toán. Công ty không thể tái đàm phán hoặc đạt được các thỏa thuận tài chính thay thế. Do đó tình hình tài chính của đơn vị gặp rất nhiều khó khăn, nguy cơ dẫn đến tình trạng phá sản rất cao.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty CP LILAMA3.4:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Ghi chú
Tổng tài sản	Triệu đồng	27.857,15	
Doanh thu thuần	Triệu đồng	4.031,85	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	-2.238,97	
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-1.416,40	
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-3.655,37	
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-3.655,37	
Tỷ suất lợi nhuận trả cổ tức	Triệu đồng		

Kế hoạch năm 2017: Công ty tiếp tục tìm kiếm việc làm mới, đồng thời duy trì mối công việc với khách hàng quen thuộc tạo công việc cho người lao động. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng suất lao động, chất lượng, cải tiến kỹ thuật, mỹ thuật, quy trình kiểm soát nhằm giảm giá thành sản phẩm.

3.2.2. Công ty cổ phần LILAMA3.3

- Trong năm 2016 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Các chỉ tiêu kinh tế thực hiện năm 2016 không đạt được so với nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016. Tại thời điểm ngày 31/12/2016, hầu hết các khoản công nợ phải trả của Công ty đều đã quá hạn thanh toán, số dư nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn. Nguyên nhân của việc không hoàn thành kế hoạch SXKD do cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty CP LILAMA3.3:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Ghi chú
Tổng tài sản	Triệu đồng	48.882,43	
Doanh thu thuần	Triệu đồng	20.810,40	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	-5.342,65	
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-3.113,90	
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-8.456,55	
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-8.456,55	
Tỷ suất lợi nhuận trả cổ tức	Triệu đồng	0	

Kế hoạch SXKD năm 2017: Tiếp tục duy trì quan hệ với các khách hàng cũ, tăng cường tìm kiếm thông tin của các dự án mới, chào mức giá phù hợp để có thêm việc làm, năng động hơn trong công tác tiếp thị. Phát triển thêm phần việc lắp đặt; chú trọng nâng cao chất lượng, cải tiến kỹ thuật; mỹ thuật đối với các sản phẩm. Hình thành tác phong, ý thức, quy trình kiểm soát, giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm.

3.2.3. Công ty TNHH LILAMA3 – DAI NIPPON TORYO

- Trong năm 2016 Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD cho nên kết quả không đạt được so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân do giá bán cao hơn so với các đối thủ cạnh tranh; việc thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn do tình hình kinh tế và đối với một số đối tác là thành viên của LILAMA.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty TNHH LILAMA3 – Dai Nippon Toryo:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Ghi chú
Tổng tài sản	Triệu đồng	13.974,16	
Doanh thu thuần	Triệu đồng	12.438,70	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	-2.584,36	
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	0,50	
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-2.583,86	
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-2.583,86	

Kế hoạch SXKD năm 2017: Công ty đang thúc đẩy kế hoạch xây dựng nhà máy sản xuất sơn và nhà kho thành phẩm, tạo dựng thị trường tại trong nước, thu hút các nhà đầu tư vào dự án nhà máy, đồng thời thúc đẩy việc thu hồi công nợ đối với khách hàng nhằm tạo công ăn việc làm cho người lao động, đảm bảo lợi ích đối với cán bộ công nhân viên trong công ty.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng (+)/giảm (-)
Tổng tài sản	639.547,85	440.144,34	-33,1%
Doanh thu thuần	163.330,72	95.356,22	-41,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-46.097,91	-64.993,86	
Lợi nhuận khác	-3.329,93	-157.983,38	
Lợi nhuận trước thuế	-49.427,84	-222.977,24	
Lợi nhuận sau thuế	-49.427,84	-222.977,24	
Tỷ suất lợi nhuận trả cổ tức	0		

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)	0,686	0,398	
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,28	0,218	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	1,064	1,601	
- Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	-16,391	-2,664	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	0,753	0,760	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,255	0,217	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	-0,302	-2,338	
- Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	-0,959	0,843	
- Hệ số LNST/Tổng tài sản	-0,077	-0,507	
- Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần	-0,282	-0,682	
-			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

5.1. Cổ phần: Tổng số cổ phần của Công ty CP LILAMA3 đã phát hành là 5.150.000 cổ phần. Trong đó:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành theo từng loại là: 5.150.000 cổ phiếu phổ thông
 - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 0 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 0 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phần dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không
 - Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 0%
- Những thay đổi về vốn cổ đông/ vốn góp: Không có.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đã thông qua việc thay đổi người đại diện vốn Nhà nước và bầu thành viên Hội đồng quản trị, đến thời điểm hiện nay cơ cấu vốn góp của thành viên góp vốn trong nước trước đại hội cổ đông thường niên năm 2017 là:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam - DATC	51 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.563.600	25.636	49,78%
	- Ông Phạm Ngọc Thao		1.018.642		19,78%
	- Ông Nguyễn Quốc Khánh		772.479		15,00%

	- Ông Nguyễn Văn Thuyết		772.479		15,00%
2	Các tổ chức khác		238		
	Công ty CP chứng khoán MB	Tầng M3-7 số 3 Liễu Giai, Ba Đình, HN	63		
	Công ty CP chứng khoán FPT	71 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	98		
	Công ty CP chứng khoán Sài Gòn	72 Nguyễn Huệ, Q1, TP HCM	30		
	Công ty CP chứng khoán Tân Việt	Tầng 5, 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, HN	14		
	Công ty CP chứng khoán đầu tư Việt Nam	Tầng 1, tòa nhà VCCI Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hn	33		
3	Sở hữu cá nhân		2.586.400		
3.1	Ông Phan Kim Lân	49 Ngõ 48 Thọ Lão, Hai Bà Trưng - HN	102.298	1,022,980	1,99%
3.2	Ông Phạm Công Hoan	33D, ngõ 110 phố Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	77.648	776,480	1,51%
3.3	Ông Đỗ Huy Vũ	Phú Thượng – Hà Nội	49.408	494.080	0,96%
3.4	Ông Nguyễn Tiến Thành	P505 C9B Nam Thành Công, Đống Đa, HN	77.301	773.010	1,50%
3.5	Các cá nhân khác		2.279.745	22.797.450	44,27%
4	Cổ đông nước ngoài		33.800		
4.1	Yukiyoshi Taguchi	Japan	20.800		
4.2	Lix Wan Chu	Taiwan	13.000		

- Thông tin chi tiết về Cổ đông sáng lập là tổ chức:

TT	Tên cổ đông	Ngành nghề	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Biến động
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	Chế tạo, xây dựng, lắp đặt	124- Minh Khai – HN	0 CP	0%	Giảm

- Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập là cá nhân:

TT	Tên cổ đông	Năm sinh	Địa chỉ	Nghề nghiệp	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Biến động
1	Phan Kim Lân	1960	49 Ngõ 48 Thọ Lão, Hai Bà Trưng - HN	Tổng giám đốc	102.298	1,99%	Tăng
2	Đỗ Huy Vũ	1974	Phú Thượng – Hà Nội		49.408	0,96%	Giảm
3	Phạm Công Hoan	1959	33D, ngõ 110 phố Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	Kế toán trưởng	77.648	1,51%	Tăng
4	Vũ Văn Định	1958	Phố Huế - Hai Bà Trưng – Hà Nội		0	0%	Giảm

6. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

6.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2016.

Ngày từ đầu năm mặc dù HĐQT và ban điều hành đã rất chủ động, quyết tâm thực hiện kế hoạch đã đề ra nhưng vẫn không đạt được kết quả như nghị quyết đã đề ra cụ thể.

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Đạt (%) KH
1	Doanh thu chưa thuế VAT	Tr. VND	89,576	95,356	106,45%
2	Nộp ngân sách	Tr. VND	3,315	4,145	132%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.VND	-52,850	-222,977	
4	Thu nhập bình quân	Tr. VND	6,3	6,974	110,70%
5	LĐ sử dụng bình quân	Người	450	416	92,44%
6	Dự kiến chia cổ tức	%	0	0	0%

Đánh giá chung:

- Về kết quả sản xuất kinh doanh: Năm 2016 Công ty không hoàn thành kế hoạch SXKD đã được đại hội đồng cổ đông thông qua và giảm về doanh thu, sản lượng so với năm 2014, 2015. Trong đó đáng lưu ý là doanh thu năm 2016 thấp trong khi chi phí cố định (chi phí quản lý, lãi vay) lớn dẫn đến lợi nhuận năm 2016 âm 222,977 tỷ đồng.

- Về hoạt động đầu tư:

+ Việc không hoàn thành quyết toán dự án nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc ảnh hưởng rất lớn đến việc ghi nhận tăng Tài sản cố định của Dự án đầu tư và việc tính trích khấu hao phản ánh không đúng chi phí SXKD của Công ty. Trong khi đó Công ty vẫn phải hạch toán chi phí lãi vay phải trả của Dự án này mỗi năm từ 22 - 25 tỷ đồng và tạm trích khấu hao mỗi năm 7,5 tỷ đồng. Nếu sau khi hoàn thành quyết toán Dự án này một số chi phí không hợp lý, hợp lệ sẽ bị xuất toán sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD chung của Công ty

+ Việc đầu tư vào các Công ty con không đạt hiệu quả. Trong năm 2016 các Công ty con tiếp tục mất cân đối tài chính và thua lỗ làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Công ty mẹ dẫn đến Công ty mẹ tiếp tục phải trích lập dự phòng đầu tư dài hạn.

+ Việc quyết toán, thanh lý các Hợp đồng kinh tế giữa Công ty con và LILAMA 3 chưa hoàn thành. Trong đó Công ty cổ phần LILAMA 3.4 mượn trụ sở 927 Hùng Vương từ năm 2010 đến nay đã bị Ngân hàng khởi kiện và phát mại do không trả được nợ vay, Công ty mất tài sản và sẽ phát sinh lỗ nếu để Ngân hàng thu hồi và phát mại tài sản này. Quyền sử dụng đất ở cây xăng hiện nay đã bị Ngân hàng phát mại nhưng vẫn chưa được xử lý.

- Công ty chưa quyết liệt thực hiện các biện pháp, giải pháp đồng bộ để tổ chức thu hồi vốn. Việc thanh toán thu hồi vốn của các Dự án gặp rất nhiều khó khăn do công tác tổ chức quản lý thi công không chặt chẽ, hồ sơ thanh toán không kịp thời, thiếu đồng bộ giữa thi công và công tác hồ sơ nghiệm thu thanh toán dẫn tới việc xác nhận đối chiếu công nợ với Chủ đầu tư là không có cơ sở. Giá trị công nợ phải thu của các hợp đồng dự kiến là 40 tỷ/108 tỷ đồng đã có đủ hồ sơ nhưng vẫn còn đang vướng mắc với Chủ đầu tư và Tổng thầu không giải quyết được (Chủ đầu tư và tổng thầu không có khả năng thu

xếp nguồn vốn). Tại các công trình đang thi công việc lập Hồ sơ giám sát thanh toán theo giai đoạn không kịp thời làm ảnh hưởng đến công tác thanh toán vốn của Chủ đầu tư

- Công tác quản trị sản xuất vẫn chưa được chặt chẽ nhất là trong công tác quản lý thi công ở các dự án trọng điểm (lọc hóa dầu Nghi Sơn, Formusa) công tác giao khoán, quyết toán, thanh lý các hợp đồng giao khoán (trong điều kiện Công ty gặp khó khăn về tài chính thì cần phải quản lý, giám sát công tác giao khoán hết sức chặt chẽ)

Kết luận: Năm 2016, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục sụt giảm, mất cân đối tài chính nghiêm trọng, với số lỗ lũy kế 337,697 tỷ đồng, âm vốn chủ sở hữu 264,539 tỷ đồng. Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính, ảnh hưởng lớn đến toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh trước mắt cũng như khả năng tồn tại của Công ty. Đặt công ty phải có giải pháp tổng thể để thực hiện cơ cấu lại Công ty nếu không sẽ dẫn đến khả năng phá sản.

6.2. Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách, quản lý

Ngày 27/12/2016, HĐQT đã có quyết định phê duyệt cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty; quy định chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban chức năng, thành lập 05 xí nghiệp trực thuộc trên cơ sở cơ cấu lại các đội, xí nghiệp hiện có của Công ty.

Trên cơ sở ban hành Quy chế Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, từ chức, miễn nhiệm chức vụ đối với cán bộ của Công ty cổ phần LILAMA 3. HĐQT đã tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện việc bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ quản lý trong toàn Công ty theo đúng quy định và bước đầu đã tạo được sự đồng thuận, yên tâm công tác cho cán bộ quản lý của Công ty.

Thực hiện các bước để cơ cấu tài chính lại công ty mẹ thông qua tăng vốn điều lệ giảm dư nợ phải trả, chuyển nhượng tài sản không có nhu cầu sử dụng, thu hồi nợ đọng vốn.

7. Kế hoạch phát triển trong năm 2017 và trong tương lai:

7.1. Định hướng chiến lược năm 2017:

Tiếp tục duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp trên thị trường nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, tạo dựng vị trí vững chắc trên thị trường.

Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mang đặc thù riêng của LILAMA 3 và các sản phẩm cơ khí có công nghệ và giá trị gia tăng cao.

Hợp tác với các đơn vị có khả năng tài chính để cùng hợp tác tham gia thi công các dự án trọng điểm Quốc gia về Nhiệt điện, thủy điện và các công trình phụ trợ...

Đẩy mạnh phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu đối với một số lĩnh vực kinh doanh do các Công ty con đảm nhận: Sản xuất và kinh doanh sơn công nghiệp, kinh doanh vật tư và thương mại, dịch vụ bảo dưỡng và bảo trì các công trình công nghiệp,...

7.2. Kế hoạch SXKD năm 2017:

Trong bối cảnh tình hình chung như vậy, trên cơ sở khả năng và nội lực hiện tại của Công ty, phân tích các yếu tố và khả năng dự báo, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

T T	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Tốc độ tăng trưởng
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Tr. VND	113.013	193.336	71,07%
2	Doanh thu chưa thuế VAT	Tr. VND	95.356	172.811	81,23%
3	Nộp ngân sách	Tr. VND	4.145	6.040	60,85%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr. VND	-222.977	-19.562	
5	Thu nhập bình quân	Tr. VND	6,97	6,97	0%
6	LĐ sử dụng bình quân	Người	416	560	34,61%
7	Dự kiến chia cổ tức	%	0	0	
8	Quỹ lương kế hoạch	Tr. VND	35.989	46.883	
9	Đầu tư	Tr. VND	7.371	

Trong năm 2017, HĐQT và ban điều hành tiếp tục tập trung chỉ đạo quyết liệt trong công tác quyết toán Dự án Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu, công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn tại các dự án đơn vị thi công (bao gồm cả công tác thanh quyết toán các hợp đồng giao khoán các đơn vị nội bộ và công ty con). Hoàn thành cơ bản kế hoạch tái cấu trúc tài chính công ty mẹ.

Tiếp tục ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017. Phần đầu giữ vững thị trường chế tạo sản phẩm cơ khí, sửa chữa bảo dưỡng bảo trì các dự án NM xi măng, NM giấy và hóa chất đã thực hiện trong năm 2016 và các năm trước.

Đảm bảo công ăn việc làm và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động

Ổn định thị trường sản phẩm cơ khí, giữ vững mối quan hệ với các đối tác nước ngoài như GEDI, CRI, Hansol, KC Cottrell VN, Liên danh Vinaconex – Taisei (VINATA),

7.3. Giải pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2017

Trong năm 2017, ban điều hành sẽ tập trung thực hiện các giải pháp sau để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2017:

7.3.1. Về công tác xây dựng các quy chế, quy định quản trị:

- Xây dựng hoàn thiện trình HĐQT phê duyệt và ban hành toàn bộ các quy chế, quy định quản trị của Công ty.

- Trong quý I và II/2017, tập trung xây dựng hoàn thiện trình HĐQT phê duyệt và ban hành các quy chế, quy định sau:

- + Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ;
- + Quy chế giao khoán nội bộ + Định mức nội bộ;
- + Quy chế quản lý tài chính;
- + Quy chế chi tiêu nội bộ;
- + Quy chế sử dụng, cấp phát, quản lý vật tư, thiết bị + Đơn giá ca xe, ca máy.

7.3.2. Công tác thị trường:

Tập trung khai thác các khách hàng truyền thống, lĩnh vực có thế mạnh của Công ty trong đó tập trung vào thực hiện các ống khói nhà máy nhiệt điện (Sông Hậu 1, Long Phú 1 và Vĩnh Tân 4 mở rộng).

7.3.3. Công tác tổ chức nhân sự:

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức, kiện toàn các chức danh quản lý từ ban giám đốc, trưởng phó các phòng, giám đốc, phó giám đốc các xí nghiệp trong toàn Công ty: Trong tháng 2 năm 2017, HĐQT đã phê duyệt bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các bộ quản lý của Công ty.

- Tuyển dụng, đào tạo lực lượng lao động đáp ứng đủ nhu cầu nhân lực trong năm 2017.

7.3.4. Về tài chính:

- Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, làm việc và hoàn thiện các hồ sơ với DATC đề giảm nghĩa vụ tài chính đối với khoản nợ tại DATC.

- Thu hồi công nợ: Quyết liệt triển khai công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn của các công trình còn dở dang chuyển tiếp từ năm 2016 và các năm trước, đặc biệt là công tác thu hồi công nợ cá nhân.

7.3.5. Về công tác đầu tư:

- Trong quý II năm 2017: Hoàn thiện và trình HĐQT xem xét phê duyệt quyết toán dự án nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc;

- Về công tác đầu tư mới: Bố trí nguồn vốn để đầu tư nâng cao năng lực thiết bị trong năm 2017 bao gồm đầu tư bổ sung 01 cầu bánh lốp, 02 máy hàn, 02 xe ô tô con và một số thiết bị phục vụ thi công các công trình trong năm 2017 và các năm tiếp theo.

7.3.6. Về quản lý và khai thác tài sản:

Tổ chức thực hiện quản lý, khai thác tài sản hiện có theo phương án trình HĐQT phê duyệt trong đó tập trung:

- Thanh lý các tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc khai thác không hiệu quả: Nhà máy chế tạo cơ khí Bến Gót, Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc, trụ sở 927 đại lộ Hùng Vương;

- Bố trí sản xuất 1 phần diện tích nhà máy chế tạo cơ khí Quang Minh, chuyển nhượng hoặc cho thuê phần diện tích còn lại/hoặc chuyển nhượng toàn bộ nhà máy khi có đối tác;

- Thanh lý các thiết bị, vật tư không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả.

7.3.7. Về đầu tư tại các công ty thành viên:

Thông qua người đại diện tại các công ty con, thực hiện việc giám sát, chỉ đạo các công ty thực hiện đúng nội dung chỉ đạo của LILAMA 3, cụ thể:

- Công ty cổ phần LILAMA 3.4:

+ Kiện toàn bộ máy ban điều hành, làm rõ trách nhiệm các tập thể, cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ từ 2016 trở về trước.

+ Chỉ đạo kiên quyết thu hồi văn phòng 927 trả lại Công ty cổ phần LILAMA 3;

+ Tìm kiếm đối tác thực hiện chuyển nhượng 1 phần /toàn bộ vốn đầu tư của LILAMA 3.

+ Quyết toán dứt điểm công nợ giữa LILAMA 3 và LILAMA 3.4 trong đó có quyết toán các chi phí phát sinh tại dự án nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc.

- Công ty cổ phần LILAMA 3.3: Đẩy mạnh việc khai thác mở rộng thị trường, phát huy thế mạnh về nhân lực của LILAMA 3.3 cũng như khai thác tốt nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu.

- Công ty TNHH LILAMA 3-DNT:

+ Xem xét cho thực hiện dự án đầu tư nhà máy sơn trên cơ sở hiệu quả đầu tư của dự án;

+ Thanh toán công nợ cho LILAMA 3-DNT trong trường hợp chuyển nhượng đất để LILAMA 3-DNT thực hiện đầu tư nhà máy.

8. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp số 332 /BCKT/TC và Báo cáo tài chính hợp nhất số 333/BCKT/TC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần LILAMA3 do Công ty TNHH tư vấn Kiểm toán và thẩm định giá Việt nam phát hành ngày 30 tháng 03 năm 2017 với ý kiến ngoại trừ. Để làm rõ nội dung này, Công ty cổ phần LILAMA3 xin giải trình như sau:

Trong kỳ, Công ty đang hạch toán vào chi phí sản xuất phần chênh lệch giữa chi phí sản xuất dở dang theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/NQ-HĐQT (III) ngày 09/12/2016 với tổng số tiền là 147.685.127.118 đ cụ thể các công trình như sau:

+ Công trình Nhiệt điện BARH: Tăng chi phí sản xuất số tiền 7.880.701.357 đ do suy thoái kinh tế, Chủ đầu tư giãn tiến độ dừng dự án quá lâu, vật tư chính phải nhập khẩu từ nước ngoài nên khi khởi động lại dự án tỷ giá thay đổi rất lớn nên toàn bộ đơn giá vật tư tăng thêm 50% so với giá vật tư trong hợp đồng đã ký nhưng không được tổng thầu thanh toán. Thi công kéo dài, số sản phẩm chế tạo chưa bàn giao được nên LILAMA3 phải duy trì chi phí bảo dưỡng và chi phí lưu kho, khi bàn giao cho chủ đầu tư phải sơn lại và đóng kiện lại toàn bộ sản phẩm nên phát sinh chi phí sửa chữa rất lớn.

+ Công trình Xi măng Thái nguyên: Tăng chi phí sản xuất số tiền 3.850.306.350,đ do toàn bộ vật tư thiết bị (trong đó có bảo ôn) đều do Chủ đầu tư cấp và giao cho LILAMA3 tiếp nhận, quản lý, bảo dưỡng trước khi lắp đặt nhưng do địa bàn thi công trên địa bàn thi công trên vùng núi, thi công trong mùa mưa, đơn vị chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý công trường nên khi các biến cố thất thường do mưa lũ đã không kịp thời trong việc bảo quản vật tư thiết bị lắp đặt làm ảnh hưởng đến chất lượng vật tư thiết bị vì vậy phát sinh thêm chi phí bảo dưỡng lại thiết bị, toàn bộ vật liệu bảo ôn bị ngấm nước mưa không sử dụng được, đầu máy hộp giảm tốc bị thấm nước phải thay thế. Các chi phí này đơn vị phải chịu và không được Chủ đầu tư chấp nhận.

+ Công trình Xi măng Bim sơn: Tăng chi phí sản xuất 1.060.363.040,đ do Hợp đồng thi công từ Tháng 9/2008, LILAMA3 làm thầu phụ, địa bàn thi công xa, đơn vị phải thuê nhà xưởng và lán trại nhưng do Chủ đầu tư giãn tiến độ kéo dài 15 tháng làm tăng thêm chi phí thuê nhà xưởng, khối lượng phát sinh không được Chủ đầu tư thanh toán. Mặt bằng lắp đặt chật hẹp khó khăn, các chi phí biện pháp thi công và máy móc thi công phát

sinh nhiều, phải dùng cầu lớn để lắp, khối lượng thi công ít nhưng phải dùng thiết bị nâng tổ hợp lớn nhưng không được Chủ đầu tư bổ sung chi phí.

+ Công trình Xi Măng Sông thao: Tăng chi phí sản xuất 4.948.844.971,đ do LILAMA3 giao thầu cho thầu phụ khác thực hiện nhưng không yêu cầu nhà thầu phụ làm bảo lãnh. Khi thầu phụ bỏ hợp đồng tiến độ bị phá vỡ ảnh hưởng đến nghiệm thu thanh toán và không nghiệm thu được hết khối lượng với Chủ đầu tư

+ Công trình TKV: Tăng chi phí sản xuất 7.356.340.843,đ do hợp đồng ký đơn giá trọn gói, đơn vị không tiên lượng hết được khối lượng và các chi phí phần móng, khối lượng ngầm của các phần xây dựng khác. Liên danh nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng, tự ý bỏ hợp đồng không quyết toán gây khó khăn cho việc xác nhận giá trị phát sinh ngoài hợp đồng dẫn đến việc Chủ đầu tư đã xác nhận khối lượng phát sinh nhưng không xác nhận thanh toán.

+ Công trình Nhiệt điện Vũng Áng – Hợp đồng với LILAMA: Tăng chi phí sản xuất 17.822.596.979,đ: Tại dự án này Công ty thi công nhiều hạng mục khác nhau, thời gian thi công kéo dài do vậy đơn vị phải đầu tư cơ sở hạ tầng theo yêu cầu của Tổng thầu để phục vụ cho công tác chế tạo(thiết lập xưởng chế tạo, lán trại nhà ở cho lao động thi công tại công trình. Mặt khác trong quá trình thi công do có sự thay đổi thiết kế khi triển khai mua vật tư cho công tác chế tạo đã không lường trước và tính đúng theo nhu cầu sử dụng từng chủng loại, vật tư cấp không đồng bộ, ảnh hưởng đến tiến độ thi công do đó bị Chủ đầu tư cắt giảm khối lượng, doanh thu giảm trong khi chi phí hạ tầng và các chi phí khác phát sinh tăng.

+ Công trình Nhiệt điện Vũng áng I- Hợp đồng với GEDI: Tăng chi phí sản xuất 34.789.238.115,đ do trong quá trình triển khai hợp đồng kinh tế, bản vẽ Tổng thầu cấp không đồng bộ, cán bộ kỹ thuật của đơn vị làm việc tại dự án có nhiều biến động và hạn chế về năng lực, kinh nghiệm bóc tách bản vẽ đầu ra dự trù khối lượng mua vật tư thiết bị thi công chưa sát yêu cầu cụ thể của dự án nên phát sinh nhiều khối lượng so với khối lượng và giá chào thầu. Vật tư chế tạo phải nhập khẩu, tỷ giá biến động tăng, khối lượng phát sinh tăng không được Tổng thầu thanh toán.

+ Công trình Giấy Phuong Nam: Tăng chi phí sản xuất 3.487.476.460,đ do Chủ đầu tư không bố trí được nguồn vốn, nhà máy không hoạt động do công nghệ Chủ đầu tư nhập khẩu lỗi thời. Dự án bị dừng đến nay vẫn không có thanh toán khởi động lại, toàn bộ khối lượng dở dang không được Tổng thầu xác nhận.

+ Công trình Gang thép Thái Nguyên mở rộng: Tăng chi phí sản xuất 19.446.559.300,đ do dự án đã dừng thi công, Chủ đầu tư không bố trí được nguồn vốn, Nhà nước và Chủ đầu tư tạm thời ngừng kế hoạch tái khởi động dự án và chờ phương án xử lý cho đến thời điểm này dự án không có tín hiệu khởi động lại do đó khối lượng thực hiện không được xác nhận.

+ Công trình Cầu suối Mường hoa: Tăng chi phí sản xuất 717.210.186,đ do Chủ đầu tư thay đổi nhân sự cấp cao và thay đổi phương án thi công nên khối lượng thực hiện chưa được nghiệm thu.

+ Công trình Nhiệt điện BARH- ký với LISEMCO: Tăng chi phí sản xuất 1.740.644.300,đ do dự án kéo dài thời gian thi công so với hợp đồng, vật tư nhập khẩu dẫn đến trượt tỷ giá vật tư nên chi phí vật tư tăng cao và Tổng thầu không chấp nhận phân tăng chi phí này.

+ Công trình Nhiệt điện Mông Dương: Tăng chi phí sản xuất 12.874.813.973,đ do hợp đồng ký trọn gói, khi triển khai công tác chế tạo và lắp đặt do mặt bằng chật hẹp nằm sát ven biển, thi công trong mùa mưa bão đã ảnh hưởng đến hệ thống kho bãi thiết bị nên khi đưa vào lắp đặt một số thiết bị hư hỏng đơn vị phải chịu chi phí bảo dưỡng và thay thế mà không được tổng thầu chấp nhận.

+ Công trình DAP2: Tăng chi phí sản xuất 4.463.422.158,đ do khi ký hợp đồng không tính toán hết được độ phức tạp của sản phẩm nên chi phí chế tạo vận chuyển tăng cao, yêu cầu về an toàn lớn, khối lượng lắp đặt nhỏ lẻ nhưng đơn giá tính theo tấn. Do tiến độ của dự án, Tổng thầu cắt giảm khối lượng thi công chỉ còn 1/3 so với hợp đồng ban đầu trong khi LILAMA3 đã huy động toàn bộ nhận lực và lán trại thi công gây lãng phí nhiều chi phí.

+ Công trình Xi Măng Sông Thao: Tăng chi phí sản xuất 5.407.631.712,đ do bộ phận chào thầu của đơn vị chưa có kinh nghiệm, tính toán sai khối lượng và chủng loại khi đưa ra chào thầu dẫn tới trong quá trình thi công vật tư chính và thiết bị đặt hàng không đồng bộ, dẫn tới thi công chậm làm tăng chi phí, toàn bộ chi phí phát sinh thêm do tăng khối lượng không được chủ đầu tư thanh toán.

+ Công trình Fomosa Hà Tĩnh: Tăng chi phí sản xuất 3.125.954.095,đ do yêu cầu thi công cao, chi phí cho biện pháp như giàn giáo, thiết bị nâng lớn. Dự án bị gián tiến độ (ảnh hưởng của đợt môi trường biển) làm thiệt hại rất lớn do lãng công. Điều kiện môi trường khắc nghiệt, Chủ đầu tư liên tục gây sức ép, công nhân công ty bị ảnh hưởng của môi trường, lực lượng lao động suy giảm, Tổng thầu phải huy động thêm lực lượng bên ngoài với chi phí tăng gấp đôi và trừ vào giá trị nghiệm thu của LILAMA3, chi phí này không được thanh toán.

+ Công trình Nhiệt điện Uông bí: Tăng chi phí sản xuất 3.415.035.289,đ do công trình thi công kéo dài(từ năm 2005), LILAMA3 làm thầu phụ cho Tổng LILAMA, nhân sự của hai bên thay đổi nhiều, dự án dự kiến không thể quyết toán được.

+ Công trình Lọc dầu Nghi Sơn: Tăng chi phí sản xuất: 15.297.987.990,đ do khối lượng công việc của dự án dàn trải, không tập trung một chỗ, gây lãng công, năng suất lao động giảm, khối lượng dự kiến giảm nhiều so với thực tế thi công. Số lao động liên tục thay đổi cộng thêm việc thiếu thợ lành nghề, đơn vị không đáp ứng đủ nguồn nhân lực để đáp ứng tiến độ do Chủ đầu tư yêu cầu dẫn đến phải thuê lao động ngoài với đơn giá cao hơn giá đơn vị chi trả tuy nhiên năng suất lao động lại rất thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật cao.

Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa xác định được giá trị tổn thất ước tính của dự án Bạch hạc là do Dự án đang trong giai đoạn quyết toán, sau khi có báo cáo Kiểm toán quyết toán của dự án đơn vị sẽ xác định được giá trị tổn thất.

III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt của Công ty

HDQT đánh giá, với tình hình ngành xây lắp trong nước cũng như quốc tế gặp nhiều khó khăn kết quả kinh doanh tuy không đạt so với kế hoạch đề ra nhưng nhìn chung đây là một kết quả rất đáng khích lệ và đánh giá cao sự nỗ lực, chỉ đạo sát sao của Ban Điều hành, các phòng ban, đơn vị sản xuất và cố gắng nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty:

- Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty đã có nhiều cố gắng để thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định; tuân thủ những quy định được thể hiện tại Điều lệ và pháp luật hiện hành trong tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty chưa thực hiện kịp thời các nghị quyết, các nội dung chỉ đạo của HDQT (như việc xây dựng và ban hành các quy định, quy chế thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc).

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

3.1. Giải pháp về quản trị:

Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt việc xây dựng, sửa đổi và ban hành các quy chế quản trị nội bộ phục vụ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong đó tập trung vào các quy chế trọng tâm:

- Quy chế quản lý tài chính;
- Quy chế lương;
- Quy chế giao khoán + Định mức và đơn giá khoán nội bộ;
- Quy chế quản lý, cấp phát vật tư + Định mức ca xe, ca máy;
- Quy chế chi tiêu nội bộ;
- Quy chế quản lý người đại diện phần vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác;
- Quy chế quản lý các dự án đầu tư;
- và các quy chế quản trị nội bộ khác.

3.2. Giải pháp về tài chính:

- Phối hợp và làm việc với DATC sớm hoàn thiện phương án tái cơ cấu tài chính đối với Công ty, phương án phát hành cổ phiếu hoán đổi công nợ.

- Quyết liệt chỉ đạo công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn của các công trình, công nợ các cá nhân.

- Đôn đốc việc rà soát lại toàn bộ tài sản, thiết bị của Công ty. Giám sát việc thanh lý, chuyển nhượng các tài sản, thiết bị khai thác không hiệu quả.

- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc quản lý dòng tiền hợp lý, đa dạng hóa phương án huy động vốn; kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh; chi phí đầu tư đảm bảo nguồn tài chính để đảm bảo cung cấp kịp thời vật tư, thiết bị, nhân lực hoàn thành tốt công tác thi công các dự án trong năm 2017, thanh toán kịp thời lương và các chế độ cho người lao động, nợ với cơ quan nhà nước. Xây dựng kế hoạch thanh toán và trả nợ cho DATC.

- Chỉ đạo, phối hợp với Tổng giám đốc làm việc với Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Ba Đình về việc tái cấu trúc các khoản nợ, tiếp tục hỗ trợ vốn, bảo lãnh, tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chỉ đạo người đại diện phần vốn của LILAMA 3 tại LILAMA 3.3, LILAMA 3.4, LILAMA 3-DNT quyết toán, đối chiếu dứt điểm công nợ giữa LILAMA 3 và các công ty con.

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác, xây dựng phương án để thoái 100% vốn đầu tư của Công ty tại các công ty con.

- Chỉ đạo người đại diện phần vốn của LILAMA 3 tại LILAMA 3.4 bằng mọi biện pháp Thu hồi các tài sản đã cho LILAMA 3.4 mượn hiện đang thế chấp tại ngân hàng.

- Chỉ đạo quyết liệt Tổng giám đốc hoàn thành việc quyết toán dứt điểm dự án nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu trong quý II năm 2017. Làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đến hiệu quả đầu tư dự án này (kể cả mời cơ quan chức năng xem xét, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến dự án này).

- Lựa chọn sử dụng đơn vị kiểm toán có uy tín để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kết hợp công khai minh bạch thông tin theo quy định của pháp luật đối với các công ty niêm yết.

3.3. Giải pháp về thị trường và sản phẩm:

- Bố trí nguồn vốn hợp lý để đầu tư nâng cao năng lực thi công của Công ty nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành trong công tác tìm kiếm, mở rộng thị trường.

- Phân cấp toàn bộ cho Tổng giám đốc trong việc đàm phán, ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế nhằm đảm bảo tính chủ động, kịp thời trong việc kiến tạo các hợp đồng kinh tế mới trên nguyên tắc đảm bảo có hiệu quả (không bị thua lỗ) và chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hiệu quả kinh tế của các hợp đồng kinh tế.

3.4. Giải pháp về tổ chức, bộ máy:

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ.

- Xây dựng chính sách rõ ràng, minh bạch đúng đắn trong việc sử dụng cán bộ, người lao động, đặc biệt là các cán bộ, người lao động có trình độ và tâm huyết với Công ty

4. Quản trị Công ty

4.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Từ ngày 01/01/2016 đến 12/10/2016

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Ông Phan Kim Lân	Chủ tịch	12/10/2016	13	100%	

2	Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên		13	100%	Tổng giám đốc
3	Ông Đinh Tiến Thành	Thành viên	12/10/2016	13	100%	
4	Ông Phạm Công Hoan	Thành viên		13	100%	Kế toán trưởng
5	Ông Đỗ Kim Bằng	Thành viên	12/10/2016	13	100%	

Từ ngày 12/10/2016 đến 31/10/2016

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Ông Phạm Ngọc Thao	Chủ tịch	12/10/2016	3	100%	
2	Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên		3	100%	Tổng giám đốc
3	Ông Phạm Công Hoan	Thành viên		3	100%	Kế toán trưởng
4	Ông Nguyễn Văn Thuyết	Thành viên	12/10/2016	3	100%	
5	Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên	12/10/2016	3	100%	

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Không

Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự...): Không

4.2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc:

- HĐQT đã bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, nghị quyết của ĐHCĐ, của HĐQT; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty trong quá trình thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình về giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty nhằm đảm bảo mọi hoạt động của doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định của pháp luật, triển khai thực hiện đúng các nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT.

- HĐQT luôn xem xét một cách khách quan, dân chủ, cẩn trọng và kỹ lưỡng trước khi quyết định phê duyệt đề xuất của Tổng giám đốc nhằm mang lại lợi ích tối đa và hạn chế rủi ro ở mức thấp nhất cho doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh nâng cao năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Từng bước hoàn thiện cơ chế và chuẩn hóa quy trình hoạt động của doanh nghiệp, thuận

lợi cho quá trình điều hành của Tổng giám đốc được thể hiện qua các quy chế, quy định quản trị nội bộ.

- HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ với Tổng giám đốc thực hiện những giải pháp hợp lý nhằm kích thích những yếu tố tích cực, khắc phục kịp thời các mặt hạn chế; công khai minh bạch mọi hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý, cổ đông và người lao động có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra, kiểm soát tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

- Các nội dung giám sát và chỉ đạo thực hiện, cụ thể:

+ Công tác chuẩn bị và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của Công ty và các công ty thành viên;

+ Công bố thông tin theo quy định và pháp luật hiện hành;

+ Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định nội bộ của Công ty;

+ Công tác cơ cấu bộ máy, tổ chức nhân sự của Công ty và các công ty thành viên;

+ Việc kiến tạo, ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế;

+ Công tác xử lý tài sản, thu hồi công nợ, đặc biệt là công nợ cá nhân;

+ Việc tái cơ cấu tài chính với DATC;

+ Công tác quyết toán các dự án đầu tư;

+ Đánh giá, phân tích tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty theo từng quý, đề ra các biện pháp chỉ đạo kịp thời Tổng giám đốc thực hiện có hiệu quả cao nhất.

4.3. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

Trong năm 2016, không có thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty.

5. Ban kiểm soát

5.1. Danh sách thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát của Công ty:

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 tổ chức ngày 12/10/2016 đã xem xét biểu quyết thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên BKS đảm bảo số thành viên BKS là 03 thành viên:

Từ ngày 01/01/2016 đến 12/10/2016

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Tô Phi Sơn	Trưởng ban	12/10/2016	1	100%	
2	Ông Hoàng Văn Minh	Thành viên	12/10/2016	1	100%	
3	Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên	12/10/2016	1	100%	

Từ ngày 12/10/2016 đến 31/12/2016

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
-----	-----------------	---------	------------------------------------------	-------------------------	-------------------	---------------------

			viên BKS			họp
1	Ông Phạm Xuân Rạng	Trưởng ban	12/10/2016	1	100%	
2	Ông Hoàng Mạnh Quảng	Thành viên	12/10/2016	1	100%	
3	Ông Trần Huy Long	Thành viên	12/10/2016	1	100%	

5.2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trong năm 2016, BKS đã tiến hành công tác kiểm tra giám sát hoạt động SXKD, quản lý tài chính của Công ty theo các nội dung:

- Giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng Quý và năm 2016.
- Giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng thanh toán công nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn, việc cân đối và quản lý dòng tiền.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động SXKD, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, lập báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.
- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ Công ty, pháp luật Nhà nước.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát trong kỳ. Tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra.

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2016, BKS nhận thấy hoạt động của Công ty trong năm 2016 tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Công ty chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Các cán bộ quản lý, cổ đông nội bộ tuân thủ đúng quy định về công bố thông tin khi giao dịch cổ phiếu LM3. Các báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng được công bố đúng hạn. Công ty đã lập và công bố các báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với quy định của UBCKNN.

5.3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

HĐQT trong các hoạt động theo chức năng nhiệm vụ của mình đã tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động của BKS (các cuộc họp, làm việc của HĐQT đều mời đại diện BKS tham dự, cung cấp đầy đủ, kịp thời các hồ sơ, tài liệu có liên quan để BKS thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ).

5.4. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không

5.5. Kế hoạch kiểm soát năm 2017 của Ban kiểm soát

Nhiệm vụ chung:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm 2017, Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ, thời gian thực hiện cụ thể sẽ được thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chức năng chuẩn bị hồ sơ tài liệu trước ít nhất 1 tuần.

Nhiệm vụ cụ thể:

a. Quý I năm 2017:

- Xem xét các Báo cáo tài chính năm 2016;
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành ;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

b. Quý II năm 2017:

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2017;
- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các vấn đề khác.

c. Quý III năm 2017:

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2017;
- Xem xét Báo cáo tài chính 6 tháng;
- Các vấn đề khác.

d. Quý IV năm 2017:

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2017 và ước thực hiện cả năm 2017;
- Tình hình xử lý các vấn đề tồn tại;
- Các vấn đề khác.

6. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

a. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

Dự kiến sẽ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 trước 30/6/2017.

Thù lao của Chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký HĐQT sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua như sau :

STT	Nội dung	Thù lao nhận được
1	Chủ tịch HĐQT	3.000.000, VND/1tháng
2	Thành viên HĐQT, Trưởng BKS	2.000.000, VND/1tháng
3	Thành viên Ban kiểm soát, Thư ký	1.500.000, VND /1tháng

b. Giao dịch cổ phiếu với cổ đông nội bộ: Không

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty tiếp tục chỉ đạo xây dựng đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty giai đoạn 2017-2018, tầm nhìn đến năm 2020.

Công ty cần có biện pháp đẩy mạnh công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn tại các công trình, nhất là các khoản nợ đọng, các khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản nợ tạm ứng nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

Công ty cần đẩy nhanh thi công, hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu thanh toán, giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, tăng vòng quay vốn lưu động nhằm giảm khả năng thanh toán.

Công ty cần tập trung chỉ đạo công tác quyết toán khoán của đơn vị, đẩy mạnh công tác khoán tới từng đơn vị, xí nghiệp, tổ, đội công trình. Xây dựng quy chế khoán phù hợp với thời điểm hiện nay.

Công ty cần tập trung quyết toán dứt điểm Dự án nhà máy chế tạo cơ khí và Đóng tàu Bạch hạc.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty còn phải đầu tư nhiều hơn cho việc phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhiệm vụ kinh doanh trong năm tới, đồng thời nâng cao sức cạnh tranh trong tình hình xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Xây dựng đơn giá tiền lương năm 2017 phù hợp, đúng quy định hiện hành. Chi phí tiền lương phải gắn liền với hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tăng cường công tác kế hoạch, dự báo, hợp định kỳ đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch kỳ tới nhằm chỉ đạo kịp thời thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mà Đại hội cổ đông đã thông qua

Báo cáo tài chính

- Đơn vị kiểm toán độc lập

Tên công ty	Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam
Tên viết tắt	AVA
Người đại diện	Thạc sỹ Nguyễn Minh Hải - Giám đốc
Trụ sở	Tầng 14 Tòa nhà HH3, KĐT Mễ Đình – Mễ Trì – Từ Liêm – Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	04. 38689566/588
Fax	04. 3 8686248
Website	Kiemtoanava.com.vn
Email	ava@kiemtoanava.com.vn

- Báo cáo tài chính năm 2016 bao gồm:

+ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán được đăng tải trên website <http://lilama3.vn/> của Công ty

+ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán được đăng tải trên website <http://lilama3.vn/> của Công ty.

Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán cụ thể như sau:

1. Ý kiến kiểm toán
Số: 332 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 3

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 3, được lập ngày 25/03/2017, từ trang 08 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong kỳ, Công ty đang hạch toán vào chi phí sản xuất phần chênh lệch giữa chi phí sản xuất dở dang và giá trị khối lượng dở dang theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/NQ-HĐQT (III) ngày 09/12/2016 với tổng số tiền là 147.685.127.118 đồng.

Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty chưa xác định được giá trị tổn thất ước tính của dự án Bạch Hạc. Vì vậy chúng tôi cũng không thể xác định được tổng giá trị tổn thất có thể phát sinh từ các nghiệp vụ này đến các chỉ tiêu có liên quan trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Lilama 3.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 3 tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.5 trong Báo cáo tài chính hợp nhất về khoản lỗ lũy kế hơn 348 tỷ đồng của Công ty tại ngày 31/12/2016, nợ phải trả lớn hơn tổng tài sản. Những sự kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh VII.5 cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

NGÔ QUANG TIẾN

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0448-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ

THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

LÊ NGỌC KHUÊ

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 0665-2014-126-

Báo cáo tài chính được kiểm toán

1.1. Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		228,197,623,038	407,067,789,453
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	3,326,967,005	3,278,004,318
1. Tiền	111		2,326,967,005	2,278,004,318
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,000,000,000	1,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		137,205,777,979	142,718,570,501
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	118,931,661,145	119,406,735,830
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8,453,828,798	6,756,634,906
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	26,781,665,682	28,300,856,005
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.04	(38,719,790,201)	(11,745,656,240)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		21,758,412,555	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	81,130,387,629	253,654,725,433
1. Hàng tồn kho	141		81,130,387,629	253,692,279,461
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(37,554,028)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,534,490,425	7,416,489,201
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	86,356,522	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,393,684,157	7,362,039,455
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		54,449,746	54,449,746
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		253,134,292,086	267,928,203,002
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
II. Tài sản cố định	220		134,963,770,671	134,963,770,671
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	123,330,980,157	134,956,625,910
- Nguyên giá	222		207,000,049,415	213,706,541,800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(83,669,069,258)	(78,749,915,890)
2. Tài sản cố định vô hình	227		901,761	7,144,761
- Nguyên giá	228		135,265,000	135,265,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(134,363,239)	(128,120,239)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		127,519,211,827	128,809,348,237
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	127,519,211,827	128,809,348,237
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.08	2,283,198,341	4,155,084,094
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	2,283,198,341	4,155,084,094
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		481,331,915,124	674,995,992,455

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		758,218,684,167	718,065,373,412
I. Nợ ngắn hạn	310		674,910,081,656	572,238,728,163
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	109,798,327,402	97,288,309,475
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	13,109,375,860	21,478,688,700
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	32,496,460,789	21,579,111,377
4. Phải trả người lao động	314		8,507,762,558	13,759,289,166
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	17,781,017,492	11,906,001,779
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	71,616,610,861	81,087,950,954
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	421,510,153,383	325,048,003,401
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		90,373,311	91,373,311
II. Nợ dài hạn	330		83,308,602,512	145,826,645,250
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	83,297,350,625	145,815,393,363
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		11,251,887	11,251,887
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(267,886,769,043)	(43,069,380,957)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	(267,886,769,043)	(43,069,380,957)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51,500,000,000	51,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51,500,000,000	51,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14,250,000,000	14,250,000,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7,522,993,188	7,522,993,188
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		319,065,349	319,065,349
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(348,138,594,379)	(118,790,082,585)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(118,819,970,644)	(68,616,782,695)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(229,318,623,735)	(50,173,299,890)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(2,340,233,201)	2,128,643,091
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		481,331,915,124	674,995,992,455

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn

(*)

Người lập biểu
Ninh Thị Vân

Kế toán trưởng
Phạm Công Hoan

Tổng Giám đốc
Nguyễn Tiến Thành

Mê Linh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

1.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	123,540,804,830	218,739,843,035
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		123,540,804,830	218,739,843,035
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	125,964,726,831	212,741,365,687
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(2,423,922,001)	5,998,477,348
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	118,166,919	262,528,657
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	28,752,905,882	37,466,209,291
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28,496,050,136	36,470,688,394
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		399,877,070	665,480,487
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		39,803,268,905	20,341,510,353
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(71,261,806,939)	(52,212,194,126)
12. Thu nhập khác	31	VI.05	2,176,712,004	23,390,923,817
13. Chi phí khác	32	VI.06	164,689,890,949	24,092,404,210
14. Lợi nhuận khác	40		(162,513,178,945)	(701,480,393)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(233,774,985,884)	(52,913,674,519)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(233,774,985,884)	(52,913,674,519)
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(229,318,632,735)	(50,173,299,890)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(4,456,362,149)	(2,740,374,629)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(44,528)	(9,742)
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(44,528)	(9,742)

Người lập biểu

Ninh Thị Vân

Kế toán trưởng

Phạm Công Hoan

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Thành

Mê Linh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

1.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế		01	(233,774,985,884)	(52,913,674,519)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định		02	10,799,688,655	11,928,862,027
- Các khoản dự phòng		03	26,936,579,933	4,957,078,844
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		04	191,725,878	401,871,060
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		05	(1,674,971,512)	(3,394,928,820)
- Chi phí lãi vay		06	28,496,050,136	36,470,688,394
- Các khoản điều chỉnh khác		07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		08	(169,025,912,794)	(2,550,103,014)
- Tăng, giảm các khoản phải thu		09	(20,492,986,141)	55,862,239,935
- Tăng, giảm hàng tồn kho		10	173,871,931,295	25,423,344,580
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		11	30,131,728,356	(28,751,354,981)
- Tăng, giảm chi phí trả trước		12	1,785,529,231	2,623,103,918
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả		14	(52,821,295,911)	(28,341,470,856)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		15	-	(5,491,721)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		17	(75,092,719)	(3,120,986,749)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	(36,626,098,683)	21,139,281,112
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		21	(19,903,053)	(155,045,455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		22	2,676,000,000	3,304,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận		27	74,444,337	19,727,238

được chia			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>			<i>2,730,541,284</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			3,168,681,783
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	129,310,421,324	183,101,724,376
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(95,366,314,080)	(209,837,339,846)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>33,944,107,244</i>	<i>(26,735,615,470)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	48,549,845	(2,427,652,575)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3,278,004,318	5,705,656,893
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	412,842	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3,326,967,005	3,278,004,318

Người lập biểu
Ninh Thị Vân

Kế toán trưởng
Phạm Công Hoan

Tổng Giám đốc
Nguyễn Tiến Thành

Mê Linh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

1.4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 3 được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Lắp máy và Xây dựng số 3 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ- BXD ngày 16/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 22/6/2006. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 2600104526 ngày 08/09/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay thế cho đăng ký kinh doanh đã cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 24+25 Khu công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng (gạch, gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, que hàn, đá, ...)
- Khảo sát, thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc;
- Tư vấn thiết kế công nghiệp các công trình sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng (nhà ở,...) giao thông (nền đường giao thông, cầu, cống bê tông, chế tạo và lắp đặt kết cấu thép cho các công trình giao thông); công trình thủy lợi (kênh, mương, đê, kè, trạm bơm thủy lợi vừa và nhỏ); các công trình quốc phòng; đường điện và trạm biến thế;
- Trang trí nội thất công trình;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Thiết kế, đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan, và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, khí hóa lỏng và các chất đốt các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ, đường thủy (theo tuyến cố định và theo hợp đồng); Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa đường bộ, đường thủy..

3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có 03 Công ty con, 02 Đơn vị hạch toán phụ thuộc, cụ thể như sau:

Các Công ty con

- Công ty Cổ phần Lilama 3.3
- Công ty cổ phần Lilama 3.4
- Công ty TNHH Lilama 3 – Dai Nippon Toroyo

Đơn vị hạch toán phụ thuộc

- Xí nghiệp Lilama 3.3
- Trung Tâm tư vấn Thiết kế

4. Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty phản ánh toàn-bộ tình hình tài chính, kết quả kinh doanh liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các Đơn vị được sử dụng để lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2016	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty mẹ				
Công ty Cổ phần Lilama 3	Hà Nội	100,0%	51.500.000.000	Xây lắp
Các Công ty con				
Công ty Cổ phần Lilama 3.3	Hà Nội	79,48%	4.845.000.000	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 3.4	Phú Thọ	59,36%	2.990.000.000	Xây lắp
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	Hà Nội	51,00%	5.814.000.000	Sản xuất

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý khác theo quy định của nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty đó.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ. Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập BCTC.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo, hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm và được dùng để bổ sung vốn điều lệ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi cho vay, các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, thông báo chi trả cổ tức, khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày tại mục VII.2 trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1. Tiền	31/12/2016		01/01/2016	
- Tiền mặt		354.790.586		430.030.938
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		1.972.176.419		1.847.973.380
- Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000		1.000.000.000
Cộng		3.326.967.005		3.278.004.318

2. Phải thu khách hàng	31/12/2016		01/01/2016	
Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
- Công ty Cổ Phần TCE Vina DENIM		19.276.000.000		19.276.000.000
- Viện nghiên cứu thiết kế ĐL Quảng Đông		15.991.049.541		21.491.049.541
- Các khách hàng khác		83.664.611.604		78.639.686.289
Cộng		118.931.661.145		119.406.735.830

3. Phải thu khác	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Phải thu khác	26.781.665.682	-	28.300.856.005	-
- Tạm ứng	19.714.516.734	-	16.186.363.921	-
- Ký quỹ, ký cược	6.978.476.689	-	11.778.322.960	-
	88.672.259	-	336.169.124	-
Cộng	26.781.665.682	-	28.300.856.005	-

4. Tài sản thiếu chờ xử lý	31/12/2016		01/01/2016	
Tài sản thiếu chờ xử lý (*)		21.758.412.555		-
Cộng		21.758.412.555		-

(*) Phản ánh hơn 12,6 tỷ chi phí và hàng tồn kho thiếu của Xí nghiệp 3.1 nay đã chấm dứt hoạt động chờ xử lý và chênh lệch giữa chi phí sản xuất dở dang với giá trị sản lượng dở dang của một số công trình khác.

5. Nợ xấu	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Phải thu khách hàng	33.987.679.146	5.397.857.838	31.651.823.489	20.330.615.255
Phải thu khác	8.543.332.131	221.856.609	8.543.332.131	8.543.332.131
Trả trước cho người bán	1.842.110.871	33.617.500	1.842.110.871	1.417.662.865
Cộng	44.373.122.148	5.653.331.947	42.037.266.491	30.291.610.251

Các khoản phải thu về lãi trả chậm phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu

- Công ty CP Giấy Bãi Bằng (*) 1.010.780.840

(*) Lãi chậm thanh toán Công ty CP Giấy Bãi Bằng phải trả cho Công ty CP Lilama 3 theo bản án số 03/2016/KDTM-PT ngày 10/05/2016 của Tòa án Nhân dân tỉnh Phú Thọ.

6. Hàng tồn kho	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	3.936.081.086	-	6.181.144.908	-
- Công cụ, dụng cụ	50.172.801	-	193.563.565	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	74.645.555.183	-	243.055.807.442	-
- Hàng hóa	2.498.578.559	-	4.261.763.546	(37.554.028)
Cộng	81.130.387.629	-	253.692.279.461	(37.554.028)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	107.172.074.249	76.158.809.827	29.302.847.980	1.072.809.744	213.706.541.800
Số tăng trong kỳ	-	5.128.040.692	-	10.409.090	5.138.449.782
- Phân loại lại	-	5.128.040.692	-	10.409.090	5.138.449.782
Số giảm trong kỳ	-	5.540.679.476	6.304.262.691	-	11.844.942.167
- Thanh lý, nhượng bán	-	5.540.679.476	1.165.812.909	-	6.706.492.385
- Phân loại lại	-	-	5.138.449.782	-	5.138.449.782
Số dư cuối kỳ	107.172.074.249	75.746.171.043	22.998.585.289	1.083.218.834	207.000.049.415
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	22.647.080.323	28.309.882.853	26.935.005.677	857.947.037	78.749.915.890
Số tăng trong kỳ	4.799.852.214	5.730.979.019	729.678.623	95.645.523	11.356.155.379
- Khấu hao trong kỳ	4.799.852.214	5.168.269.295	729.678.623	95.645.523	10.793.445.655
- Phân loại lại	-	562.709.724	-	-	562.709.724
Số giảm trong kỳ	-	1.090.766.124	5.327.054.092	19.181.795	6.437.002.011
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.090.766.124	4.783.526.163	-	5.874.292.287
- Phân loại lại	-	-	543.527.929	19.181.795	562.709.724
Số dư cuối kỳ	27.446.932.537	32.950.095.748	22.337.630.208	934.410.765	83.669.069.258
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	84.524.993.926	47.848.926.974	2.367.842.303	214.862.707	134.956.625.910
Tại ngày cuối kỳ	79.725.141.712	42.796.075.295	660.955.081	148.808.069	123.330.980.157

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ HH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 74.160.069.249 đồng
 - Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 30.764.268.238 đồng

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giá gốc	31/12/2016		01/01/2016	
		Giá trị có thẻ thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi	
- Xây dựng biển Quảng cáo	274.336.757	274.336.757	274.336.757	274.336.757	
- Nhà máy đóng tàu Bạch Hạc	121.600.423.358	(iii)	122.910.462.821	(iii)	
- Xây dựng xưởng sản xuất bột giấy Yên lập	577.910.298	577.910.298	577.910.298	577.910.298	
- Xây dựng nhà máy chế tạo cơ khí, Xã Quang minh VP	3.843.423.349	3.843.423.349	3.843.423.349	3.843.423.349	
- Xây dựng hạ tầng khu CI	325.872.864	325.872.864	305.969.811	305.969.811	
- Xây dựng nhà điều hành Quang Minh	839.972.474	839.972.474	839.972.474	839.972.474	
- Công trình khác	57.272.727	57.272.727	57.272.727	57.272.727	
Cộng	127.519.211.827		128.809.348.237		

(iii) Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy đóng tàu Bạch Hạc theo quyết định phê duyệt đầu tư và Tổng dự toán được phê duyệt của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và các quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu giai đoạn I và có tính đến giai đoạn II theo quyết định số 140/QĐ- HĐQT ngày 22/10/2009. Tổng mức đầu tư của dự án đối với giai đoạn I là 282.410.719.000 đồng với thời gian thực hiện từ quý IV năm 2008 đến quý III năm 2009. Hiện tại, dự án đang trong giai đoạn quyết toán vốn đầu tư, tuy nhiên theo thực trạng kiểm kê tại ngày 31/12/2016 cho thấy, một số kết cấu kiến trúc và hệ thống máy móc thiết bị của Dự án đến nay đã bị xuống cấp và không hoạt động. Ban giám đốc Công ty hiện chưa thể xác định được mức độ thiệt hại của dự án do đó chưa thể xác định được giá trị tổn thất. Ảnh hưởng của vấn đề này chưa thể xác định được trong BCTC tại ngày 31/12/2016.

9. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	86.356.522	-
- Công cụ dụng cụ	86.356.522	-
b) Dài hạn	2.283.198.341	4.155.084.094
- Công cụ dụng cụ	2.283.198.341	4.155.084.094
Cộng	2.369.554.863	4.155.084.094

10. Phải trả người bán

	Giá trị	31/12/2016	Giá trị	01/01/2016
		Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	109.798.327.402	109.798.327.402	97.288.309.475	97.288.309.475
- Công ty CP Thép Tân Hưng	11.322.855.207	11.322.855.207	11.452.855.207	11.452.855.207
- Công ty TNHH Công nghiệp OKWON	19.773.908.747	19.773.908.747	19.773.908.747	19.773.908.747
- Các đối tượng khác	78.701.563.448	78.701.563.448	66.061.545.521	66.061.545.521
Cộng	109.798.327.402	109.798.327.402	97.288.309.475	97.288.309.475

11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016	01/01/2016
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.109.375.860	21.478.688.700
- Công ty cổ phần Lisemco	-	531.757.590
- Công ty HH Tập đoàn Luyện Kim 19 Trung Quốc	-	2.282.271.800
- Tổng Công ty CP Thương mại xây dựng	2.882.458.062	2.882.458.062
- Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam	-	11.202.070.880
- Các khách hàng khác	10.226.917.798	4.580.130.368
Cộng	13.109.375.860	21.478.688.700

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2016
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	18.768.031.774	7.916.404.689	8.657.243.026	18.027.193.437
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	450.730.001	450.730.001	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.738.047	402.720.930	-	410.458.977
- Thuế thu nhập cá nhân	2.339.091.649	2.486.461.930	522.471.622	4.303.081.957
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	464.249.907	34.785.944	-	499.035.851
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	8.071.662.688	10.237.184	8.061.425.504
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.195.265.063	-	1.195.265.063
Cộng	21.579.111.377	20.558.031.245	9.640.681.833	32.496.460.789

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
Ngắn hạn		
- Chi phí trích trước các công trình	14.368.054.108	11.706.001.779
- Trích trước chi phí tiền lương	2.327.265.655	-
- Trích trước chi phí khác	1.085.697.729	200.000.000
Cộng	17.781.017.492	11.906.001.779

14. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
Ngắn hạn	71.616.610.861	81.087.950.954
- Kinh phí công đoàn	2.445.289.978	2.181.294.685
- Bảo hiểm xã hội	25.937.029.919	19.243.087.865
- Bảo hiểm y tế	2.159.535.275	2.199.715.769
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.281.099.005	1.883.125.386
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	38.793.656.684	55.580.727.249
+ Chi phí D/án nhà ở khu C1	1.101.654.064	1.101.654.064
+ Các đơn vị lẻ ngoài công ty	1.224.003.841	1.224.003.841
+ Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (lãi vay phải trả)	-	24.325.245.775
+ Các đối tượng khác	36.467.998.779	28.929.823.569
Cộng	71.616.610.861	81.087.950.954

15. Vay và nợ thuê tài chính	Giá trị	31/12/2016		Tăng	Trong năm		01/01/2016	
		Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ		Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	421.510.153.383	421.510.153.383	191.828.464.062	95.366.314.080	325.048.003.401	325.048.003.401	325.048.003.401	325.048.003.401
<i>+ Vay ngắn hạn ⁽¹⁾</i>								
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT- CN Ba Đình	96.180.898.015	96.180.898.015	84.406.063.371	86.532.499.227	98.307.333.871	98.307.333.871	98.307.333.871	98.307.333.871
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội- CN Hà Nội	5.263.430.325	5.263.430.325	-	3.061.761.489	8.325.191.814	8.325.191.814	8.325.191.814	8.325.191.814
- Ngân hàng Công thương - CN Quang Minh	393.942.967	393.942.967	-	565.044.467	958.987.434	958.987.434	958.987.434	958.987.434
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT- CN Phú Thọ	6.703.897.649	6.703.897.649	-	-	6.703.897.649	6.703.897.649	6.703.897.649	6.703.897.649
- Vay cá nhân và các đối tượng khác	2.083.668.093	2.083.668.093	3.784.380.555	3.636.522.462	1.935.810.000	1.935.810.000	1.935.810.000	1.935.810.000
<i>+ Vay dài hạn đến hạn trả</i>								
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)	310.884.316.334	310.884.316.334	103.638.020.136	1.570.486.435	208.816.782.633	208.816.782.633	208.816.782.633	208.816.782.633
b) Vay dài hạn	83.297.350.625	83.297.350.625	100.510.977.398	163.029.020.136	145.815.393.363	145.815.393.363	145.815.393.363	145.815.393.363
<i>+ Vay dài hạn</i>								
- Tổng Công ty Lắp máy - Công ty TNHH MTV ⁽²⁾	-	-	-	59.391.000.000	59.391.000.000	59.391.000.000	59.391.000.000	59.391.000.000
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) ⁽³⁾	83.297.350.625	83.297.350.625	100.510.977.398	103.638.020.136	86.424.393.363	86.424.393.363	86.424.393.363	86.424.393.363

(1) Khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng hạn mức, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại các hợp đồng tín dụng hạn mức. Thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ.

(2) Khoản vay được sử dụng để đầu tư xây dựng Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc với hình thức vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất vay được thả nổi theo quy định của Ngân hàng thương mại.

(3) Khoản phải trả Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC). Theo Biên bản thỏa thuận ngày 12 tháng 09 năm 2012 ký 3 bên giữa Công ty Cổ phần Lilama 3, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV và Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC), thì lịch trả nợ của Công ty CP Lilama 3 sẽ được cơ cấu lại như sau: số nợ phải trả trong năm 2013, 2014 và 2015 là 139.499.392.952 đồng, số nợ còn lại sẽ được trả trong 02 năm tiếp theo. Tuy nhiên trong số nợ phải trả đến 31/12/2016 theo thỏa thuận thì Công ty CP Lilama 3 mới trả được 38.704.851.289 đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2016 số nợ phải trả DATC là: 394.181.666.958 đồng, trong đó nợ ngắn hạn là: 310.884.316.334 đồng và nợ dài hạn là 83.297.350.625 đồng (tương ứng khoản gốc và lãi vay dài hạn giá trị 83.297.350.625 đồng của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam bán nợ cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo hợp đồng mua bán nợ và chuyển nhượng cổ phần số 18/2016-HĐMB-CP ngày 30/03/2016)

16. **Vốn chủ sở hữu**

a) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Chi tiết tại phụ lục số 01

b) *Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	31/12/2016	01/01/2016
- Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam	-	25.630.000.000
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) (*)	25.630.000.000	-
- Vốn góp của cổ đông khác	25.870.000.000	25.870.000.000
Cộng	51.500.000.000	51.500.000.000

(*) Tại ngày 02/06/2016 Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam chính thức chuyển nhượng 2.563.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Lilama 3 sang cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo hợp đồng mua bán nợ và chuyển nhượng cổ phần số 18/20016-HĐMBN-CP ngày 30/03/2016 và được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận cho giao dịch cổ phiếu LM3 ngoài biên độ giá và thực hiện qua hệ thống chuyển nhượng sở hữu của VSD.

c) *Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

	Năm 2016	Năm 2015
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	51.500.000.000	51.500.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	51.500.000.000	51.500.000.000

d) *Cổ phiếu*

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.150.000	5.150.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.150.000	5.150.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.150.000	5.150.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.150.000	5.150.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.150.000	5.150.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu

17. **Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	31/12/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại		
- USD	2.132,20	2.070,24

VI. **THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2016	Đơn vị tính: đồng Năm 2015
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.142.210.282	28.169.318.031
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	109.398.594.548	190.570.525.004
Cộng	123.540.804.830	218.739.843.035
2. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.585.872.516	21.220.648.845
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	115.378.854.315	191.520.716.842
Cộng	125.964.726.831	212.741.365.687
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	74.444.337	90.928.820
Lãi chênh lệch tỷ giá	43.722.582	171.599.837
Cộng	118.166.919	262.528.657

	Năm 2016	Năm 2015
4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	28.496.050.136	36.470.688.394
Lỗ chênh lệch tỷ giá	256.855.746	573.470.897
Chi phí tài chính khác		422.050.000
Cộng	28.752.905.882	37.466.209.291
5. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp		
<i>a) Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	<i>399.877.070</i>	<i>665.480.487</i>
Chi phí vận chuyển	186.791.740	346.812.566
Chi phí bán hàng khác	213.085.330	318.667.921
<i>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>39.803.268.905</i>	<i>20.341.510.353</i>
Chi phí nhân viên quản lý	9.348.984.961	9.640.643.344
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	26.974.133.961	4.957.078.844
Chi phí quản lý khác	3.509.840.239	5.773.478.419
6. Thu nhập khác		
- Thu thanh lý tài sản cố định	1.600.527.175	3.304.000.000
- Giá trị thu hồi từ hợp đồng Shinhdong	-	19.770.999.599
- Thu nhập khác	576.184.829	315.924.218
Cộng	2.176.712.004	23.390.923.817
7. Chi phí khác		
- Tồn thất từ hợp đồng Shingdong	-	20.222.919.764
- Lãi chậm nộp thuế và bảo hiểm	11.138.491.938	-
Chênh lệch giữa chi phí sản xuất dở dang và giá trị khối lượng dở dang theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/NQ-HĐQT (III) ngày 09/12/2016	147.685.127.118	-
- Chi phí khác	5.866.271.893	3.869.484.446
Cộng	164.689.890.949	24.092.404.210
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu		
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(229.318.623.735)	(50.173.299.890)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(229.318.623.735)	(50.173.299.890)
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu	5.150.000	5.150.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(44.528)	(9.742)
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(44.528)	(9.742)
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.606.150.284	89.493.403.380
Chi phí nhân công	54.561.372.819	63.065.846.524
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.799.688.655	11.928.862.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.022.976.388	62.298.599.319
Chi phí khác bằng tiền	5.100.627.552	19.709.572.367
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	26.974.133.961	4.957.078.844
Cộng	164.064.949.659	251.453.362.461

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các khoản cam kết**

Chúng tôi đã cho công ty CP Lilama 3.4 (công ty con của công ty CP Lilama 3) mượn tài sản là văn phòng tại 927 Hùng Vương TP Việt Trì để thế chấp vay ngân hàng. Hiện Ngân hàng đã khởi kiện công ty CP Lilama 3.4 và theo thông báo mở phiên tòa số 3239/2016/TB-TA của tòa án nhân dân thành phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp này sẽ được tổ chức vào ngày 10/08/2016. Ngày 30/8/2016 Tòa án TP Việt Trì Phú Thọ đã có bản án sơ thẩm. Tuy nhiên đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, vụ kiện đang được xét xử ở cấp phúc thẩm. Vì vậy chúng tôi chưa thể xác định được giá trị cam kết trả nợ thay (nếu có) của chúng tôi trong sự kiện này, nên chưa thể thuyết minh chi tiết trong BCTC tại ngày lập BCTC năm 2016.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 21/2/2017 Công ty đã tổ chức cuộc họp HĐQT quý I năm 2017 và thực hiện bàn giao giữa hai nhiệm kỳ HĐQT 2011-2016 và HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021.

Ngoài ra không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1 Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)	Đơn vị góp vốn	Chi phí lãi vay	17.213.626.773
		DATC mua lại gốc vay, lãi vay của Tổng Lấp máy Việt Nam	83.297.350.625

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký trong năm 2016

TT Họ và tên	Chức danh	Tiền Lương	Thù lao
1 Phan Kim Lân	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-
2 Phạm Ngọc Thao	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-
3 Nguyễn Văn Thuyết	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
4 Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
5 Nguyễn Tiến Thành	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
6 Phạm Công Hoan	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
7 Đỗ Kim Bằng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
8 Đinh Tiến Thành	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
9 Tô Phi Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
10 Phạm Xuân Rạng	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
11 Trần Huy Long	Thành viên ban kiểm soát	-	-
12 Hoàng Mạnh Quảng	Thành viên ban kiểm soát	-	-
13 Trần Quốc Hùng	Thành viên ban kiểm soát	-	-
14 Hoàng Văn Minh	Thành viên ban kiểm soát	-	-
15 Hoàng Trọng Kim	Thư ký Hội đồng quản trị	-	-
16 Đoàn Thị Hương Sen	Thư ký Hội đồng quản trị	-	-
Tổng cộng		-	-

4. Báo cáo bộ phận**a) Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động xây dựng	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	109.398.594.548	14.142.210.282	123.540.804.830
Khấu hao và chi phí phân bổ	149.761.984.701	16.405.888.105	166.167.872.806
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(40.363.390.153)	(2.263.677.823)	(42.627.067.976)

b) Theo lĩnh vực địa lý

Hiện tại hoạt động chính của Công ty là kinh doanh chế tạo, lắp đặt thiết bị trong các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện kinh tế. Do đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý được trình bày.

5. Thông tin hoạt động liên tục

Tại thời điểm 31/12/2016 số lỗ lũy kế phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã là hơn 348 tỷ đồng gấp hơn 6,7 lần vốn góp của chủ sở hữu; đồng thời Công ty đang có khoản tài sản chờ xử lý hơn 21 tỷ đồng, và Công ty chưa xác định được tồn thất của dự án Bạch Hạc...Thực tế này cho thấy tại Công ty đang tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên sau Đại hội cổ đông ngày 12/10/2016 với các kế hoạch dự kiến tái cơ cấu lại nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn vay của cổ đông lớn nhất đồng thời là nhà cho vay lớn nhất - Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC) - Công ty CP Lilama 3 tin tưởng rằng khả năng hoạt động liên tục của công ty sẽ được duy trì trong tương lai.

Ngày 9/11/2015 Cục thuế Hà Nội đã có quyết định số 71870/QĐ-CT-QLN v/v áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 13 tháng 11 năm 2015 đến ngày 12 tháng 11 năm 2016.

6. Số dư đầu kỳ

Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc

Ninh Thị Vân

Phạm Công Hoan

Nguyễn Tiến Thành

Mê Linh, ngày 18 tháng 04 năm 2017



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Liên Thành